

**CÔNG TY TNHH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM QUỐC TẾ SAMLIFE INSURANCE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM QUỐC TẾ SAMLIFE INSURANCE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAMLIFE INSURANCE INTERNATIONAL INSURANCE AGENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAMLIFE INSURANCE AGENT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110494538

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1 Tháp A, Tòa nhà Golden Place, 99 Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466875875

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 5.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8559        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9632        |
| 7.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 8.  | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6622(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810 |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6820 |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7320 |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931 |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4229 |
| 18. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC TOÀN | Việt Nam  | Tổ dân phố số 6, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | 510.000.000           | 51,000    | 001075001212                                                                                            |         |
| 2   | TẠ MỸ HẠNH      | Việt Nam  | Phòng 209-C1, tập thể Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 490.000.000           | 49,000    | 001182032363                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ MỸ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001182032363

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 209-C1, tập thể Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 209-C1, tập thể Vĩnh Hồ, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội